Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8471.30.20

Mã HS	8471.30.20
Mô tả hàng hóa	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hoặc đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có khối lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình: / - - Máy tính xách tay kể cả notebook và subnotebook
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 00:02:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84713020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14317
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14317
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14317
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13659
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13600
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13600
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13600
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13600
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13600
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13600
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13654
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13654
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13654
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13654

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13654
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13654
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13655
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13655
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13655
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13655
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13655
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13655
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13658
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13606
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13614
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13614
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13614
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13614
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13614
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13614
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13645
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13645
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13645
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13645
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13645
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13645
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13694
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13694
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13694
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13694

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13694
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13694
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13677
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13677
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13677
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13677
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13677
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13677
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13677
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13677
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13677
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13677
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13677
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13677
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13692
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13692
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13692
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13692
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13692
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13692
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13691
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13691
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13691
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13691
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13691
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13691

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13671
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13671
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13671
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13671
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13671
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13671
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13671
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13679
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13679
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13679
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13679
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13679
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13679
RCEP B	2022	2022	0	B!D13679
RCEP B	2023	2023	0	B!E13679
RCEP B	2024	2024	0	B!F13679
RCEP B	2025	2025	0	B!G13679
RCEP B	2026	2026	0	B!H13679
RCEP B	2027	2027	0	B!I13679
RCEP C	2022	2022	0	C!D13679
RCEP C	2023	2023	0	C!E13679
RCEP C	2024	2024	0	C!F13679
RCEP C	2025	2025	0	C!G13679
RCEP C	2026	2026	0	C!H13679
RCEP C	2027	2027	0	C!I13679
RCEP D	2022	2022	0	D!D13678

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13678
RCEP D	2024	2024	0	D!F13678
RCEP D	2025	2025	0	D!G13678
RCEP D	2026	2026	0	D!H13678
RCEP D	2027	2027	0	D!I13678
RCEP E	2022	2022	0	E!D13682
RCEP E	2023	2023	0	E!E13682
RCEP E	2024	2024	0	E!F13682
RCEP E	2025	2025	0	E!G13682
RCEP E	2026	2026	0	E!H13682
RCEP E	2027	2027	0	E!I13682
RCEP F	2022	2022	0	F!D13679
RCEP F	2023	2023	0	F!E13679
RCEP F	2024	2024	0	F!F13679
RCEP F	2025	2025	0	F!G13679
RCEP F	2026	2026	0	F!H13679
RCEP F	2027	2027	0	F!I13679
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12696
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12696
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12696
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12696

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: KTCN về hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (1725/QĐ-BCT 2024)		1725/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8471.30 có 2 dòng thuế; dòng 8471.30.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy tính xách tay kể cả notebook và subnotebook.	8471.30.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8471.30.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8471.30.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14317), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
KTCN về hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng (1725/QĐ-BCT 2024)
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.